

GẠCH TRONG CÁC DI TÍCH KIẾN TRÚC TÍN NGƯỠNG TÔN GIÁO ĐỒNG BẰNG BẮC BỘ VIỆT NAM THẾ KỶ XV - XVIII

NGÔ THỊ LAN*

Tóm tắt: Bài viết giới thiệu về các loại hình gạch thế kỷ XV - XVIII được phát hiện trong các di tích kiến trúc tín ngưỡng tôn giáo ở đồng bằng Bắc Bộ. Trên cơ sở tập hợp các nguồn tư liệu từ thư tịch cổ, văn bia hiện còn trên mặt đất và các phát hiện khảo cổ học dưới lòng đất, bài viết đề cập đến đặc trưng của gạch thế kỷ XV - XVIII qua từng thời kỳ trên các phương diện: chất liệu màu sắc, loại hình và hoa văn trang trí.

Từ khóa: gạch, kiến trúc, tín ngưỡng, tôn giáo.

1. Giới thiệu chung

Gạch là loại vật liệu đất nung truyền thống trong lịch sử xây dựng Việt Nam. Cùng với các vật liệu khác, gạch là vật liệu chính tạo nên một công trình kiến trúc hoàn chỉnh. Nghiên cứu gạch cho thấy sự tiến triển khác nhau qua mỗi thời kỳ về kỹ thuật sản xuất, loại hình, hoa văn trang trí và chức năng sử dụng trong công trình kiến trúc. Thế kỷ XV - XVIII là thời kỳ lịch sử có nhiều dấu ấn trong xây dựng các công trình kiến trúc tín ngưỡng tôn giáo. Ở thời kỳ này, Nho giáo, Phật giáo, Đạo giáo và các tín ngưỡng dân gian khác cùng tồn tại và phát triển mạnh mẽ; nhiều công trình kiến trúc (như chùa, tháp, quán đạo, đền, miếu, đình, nhà thờ họ, am thờ...) được trùng tu, xây dựng khắp nơi mà chủ yếu tập trung ở các làng quê. Công việc xây dựng nhiều, sự phát triển mạnh mẽ các loại hình gạch, đặc biệt là những viên

gạch trang trí hoa văn, đã tạo nên những sắc thái khác nhau trong các công trình kiến trúc tín ngưỡng tôn giáo. Bài viết này tập hợp các nguồn thư tịch cổ, văn bia; đối chiếu với một số vết tích kiến trúc hiện còn trên mặt đất và các phát hiện khảo cổ học dưới lòng đất trong một số di tích ở đồng bằng Bắc Bộ; qua đó phân tích đặc điểm các loại gạch trong các kiến trúc tín ngưỡng, tôn giáo đó.

2. Thư tịch cổ và văn bia nói về việc xây dựng và sử dụng gạch

Nguồn thư tịch cổ và văn bia thế kỷ XV-XVIII cung cấp thông tin về tình hình xây dựng và sử dụng gạch trong các công trình kiến trúc tín ngưỡng, tôn giáo ở đồng bằng Bắc Bộ qua ba thời kỳ: thời Lê sơ, thời Mạc và thời Lê Trung hưng.

(*) Tiến sĩ, Viện Khảo cổ học, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam.

2.1. Thời Lê sơ (1427-1527): nhà Lê bắt tay vào xây dựng đất nước sau cuộc kháng chiến chống Minh giành thắng lợi. Nhà Lê chủ trương lấy Nho giáo làm tư tưởng chính để trị nước nên đã hạn chế phần nào việc xây dựng các công trình tín ngưỡng tôn giáo.

Thư tịch ghi chép rằng, thời kỳ đầu nhà Lê xây dựng một số chùa, tháp, đền với quy mô to lớn, như đền thờ Hưng Đạo Vương Trần Quốc Tuấn ở Kiếp Bạc (Hải Dương) (năm 1427), chùa Thanh Đàm, Chiêu Độ, tháp Báo Thiên (năm 1434), xây dựng và trùng tu Văn Miếu ở Thăng Long vào các năm 1483, 1484 và 1511⁽¹⁾.

Nguồn tư liệu văn bia cung cấp thêm việc xây dựng và trùng tu chùa, quán... quanh khu vực Hà Nội, như quán Huyền Thiên năm 1434-1439, chùa Kim Liên năm 1445, chùa Thúy Lai năm 1470, chùa Đại Bi (Bắc Ninh) năm 1490, chùa Hòa Lạc (Hưng Yên) năm 1505, chùa Minh Khánh (Hải Dương) năm 1511...⁽²⁾. Tuy nhiên, gạch sử dụng trong các công trình kiến trúc đó không thấy đề cập đến.

2.2. Thời Mạc (1527-1592): Năm 1527 Mạc Đăng Dung thay nhà Lê sơ lập nên triều Mạc. Tuy thời gian tồn tại ngắn nhưng nhà Mạc đã để lại nhiều công trình kiến trúc tín ngưỡng tôn giáo.

Nguồn thư tịch cổ ghi chép rằng, mỗi sự kiện triều đình đứng ra lo trùng tu, sửa chữa Văn Miếu vào năm 1536-1537⁽³⁾.

Nguồn tư liệu văn bia thời Mạc cung cấp nhiều thông tin có giá trị về tình hình xây dựng, trùng tu và sử dụng

gạch trong kiến trúc thời kỳ này. Theo thống kê đến năm 1993, có 195 công trình kiến trúc được xây dựng mới, trùng tu (142 ngôi chùa, 12 ngôi đình, 7 quán đạo, 8 đền, miếu và các loại hình kiến trúc khác như bến đò, chợ, cầu). Các di tích này phân bố ở hầu khắp các tỉnh Hải Hưng, Hải Phòng và Hà Tây (cũ) và rải rác ở các tỉnh khác ở Bắc Việt Nam như Bắc Ninh, Bắc Giang, Vĩnh Phúc, Phú Thọ, Ninh Bình, Nam Hà, Hà Nội, Thanh Hóa và Thái Bình. Các văn bia đó cho biết rõ các bộ phận sửa chữa trong kiến trúc. Gạch được sử dụng để xây thêm, ốp bề thờ, tường, làm lại điện mới, mở rộng tiền đường, hậu đường...⁽⁴⁾

2.3. Thời Lê Trung hưng (1592-1789): thời Lê Trung hưng là thời kỳ lịch sử có nhiều biến động và phức tạp. Ở thời kỳ này, Nho giáo, Phật giáo và Đạo giáo cùng tồn tại và phát triển mạnh mẽ; các công trình kiến trúc tín ngưỡng tôn giáo được xây dựng nhiều trong các làng quê.

Thư tịch cổ cho biết, tiếp tục truyền thống từ thời Mạc, các tôn thất vua Lê - chúa Trịnh cũng đóng góp tiền của vào

⁽¹⁾ Xem: (1993), *Đại Việt sử ký toàn thư*, tập 1 và 3, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, tr. 186, 492, 63.

⁽²⁾ Xem: Nguyễn Tiến Cảnh, Nguyễn Du Chi, Trần Lâm, Nguyễn Bá Vân (1993), *Mỹ thuật thời Mạc*, Viện Mỹ thuật, Hà Nội.

⁽³⁾ Xem: (1993), *Đại Việt sử ký toàn thư*, tập 1 và 3, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.

⁽⁴⁾ Xem: Nguyễn Tiến Cảnh, Nguyễn Du Chi, Trần Lâm, Nguyễn Bá Vân (1993), *Mỹ thuật thời Mạc*, Viện Mỹ thuật, Hà Nội; Đinh Khắc Thuân (2010), *Văn bia thời Mạc*, Nxb Hải Phòng.

việc trung hưng Phật giáo, xây dựng chùa. Hàng loạt các chùa được xây dựng với quy mô to lớn dưới thời Trịnh Giang như chùa Quỳnh Lâm, Hồ Thiên (Quảng Ninh)⁽⁵⁾. Theo thống kê trong hai năm 1720-1729, có 832 đền thờ thuộc thượng đẳng thần, 1 ngôi trung đẳng, 1 ngôi trung hạ đẳng, 860 ngôi hạ đẳng đã được xây dựng⁽⁶⁾. Điều đó cho thấy, việc xây dựng đền thờ ở thời kỳ này là rất lớn.

Nguồn tư liệu văn bia thời kỳ này không ghi chép rõ về việc gạch được xây dựng như thời Mạc. Văn bia lưu giữ trong một số chùa chỉ cho chúng ta biết đôi chút về việc trùng tu, sửa chữa một số chùa, quán, đình, như quán Lâm Dương năm 1628, chùa Đậu (Phú Xuyên) năm 1639, đình Yên Sở (Hoài Đức) các năm 1663, 1668, 1672-1673, chùa Che (Phú Xuyên) Hà Nội năm 1728⁽⁷⁾. Do vậy, chúng ta không biết nhiều về gạch được sử dụng như thế nào trong thời Lê Trung hưng.

Tập hợp lại cho thấy, nguồn thư tịch ghi chép rất ít, nguồn văn bia cung cấp nhiều thông tin có giá trị về tình hình xây dựng các công trình tín ngưỡng, tôn giáo trong thế kỷ XV-XVIII. Các loại hình kiến trúc được đề cập đến như chùa, quán, đình, đền, miếu, văn chỉ... Trong đó, việc trùng tu chùa, quán thế kỷ XV được đề cập đến rất ít, chủ yếu là trùng tu chùa, quán ở làng quê trong thế kỷ XVI-XVIII. Gạch được ghi chép nhiều trong văn bia với chức năng xây và ốp trang trí ở các vị trí kiến trúc (như

xây thêm, lát nền; xây bệ thờ, tường, bờ nóc mái ở các vị trí tiền đường, hậu đường, tam quan...). Sự tham gia đóng góp tích cực của tầng lớp vua quan và quý tộc vào các công trình tín ngưỡng, tôn giáo đã tạo nên những sắc thái khác nhau và ảnh hưởng đến chất lượng công trình kiến trúc. Những nhận định trên sẽ được kiểm chứng bằng các loại hình gạch phát hiện được trong các di tích hiện còn trên mặt đất và các phát hiện khảo cổ học dưới lòng đất.

3. Đặc trưng gạch trong các di tích kiến trúc ở đồng bằng Bắc Bộ thế kỷ XV - XVIII

Các loại hình gạch thế kỷ XV - XVIII phản ánh đặc trưng và sự tiếp nối qua các thời Lê sơ, thời Mạc và thời Lê Trung hưng.

3.1. Thời Lê sơ: kết quả khai quật khảo cổ học năm 1999 ở khu vực Văn Miếu (Hà Nội) đã tìm thấy 1 viên gạch hình khối chữ nhật, tiết diện gần vuông, trang trí hình rồng. Gạch màu đỏ, xương

⁽⁵⁾ Xem: (1971), “Quốc sử quán triều Nguyễn”, *Đại Nam thực lục*, tập 2, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.

⁽⁶⁾ Xem: Lê Quý Đôn (1977), *Kiến Văn tiểu lục*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.

⁽⁷⁾ Xem: Nguyễn Văn Huyền (1995), *Góp phần nghiên cứu văn hóa Việt Nam*, tập 1, Nxb Khoa học xã hội, tr. 312-313; Chu Quang Trứ, Cung Khắc Lược (1996), “Chùa Che (Diên Phúc) một di sản sáng giá xuyên suốt các thời Trần-Mạc-Lê-Nguyễn”, *Tạp chí Khảo cổ học*, số 1, tr. 42-58; Nguyễn Ngọc Chắt, Nguyễn Quang Huy (2007), “Khai quật khu trung tâm di tích chùa Đậu năm 2006”, *Thông báo khoa học*, tr. 77-102.

gốm mịn⁽⁸⁾. Đây có thể là vết tích xây dựng Văn Miếu năm 1483-1484 mà thư tịch đã ghi chép.

3.2. Thời Mạc: So với thời Lê sơ, gạch thời Mạc phát hiện trong di tích còn lại khá nhiều. Các phát hiện khảo cổ học và di tích kiến trúc hiện còn quanh khu vực Hà Nội như quán Hội Linh, quán Hưng Thánh, chùa Hội, chùa Bối Khê, chùa Đậu, chùa Cục Lạc, đền Thượng⁽⁹⁾. Gạch thời Mạc gồm các loại: gạch hình vuông, hình khối chữ nhật và gạch có hình dáng đặc biệt với các dạng khác nhau.

Loại gạch hình vuông, tiết diện hình chữ nhật dẹt dùng để lát nền, nên được gọi là gạch lát. Gạch vuông thời Mạc thường để trơn, ít trang trí hoa văn. Một số tiêu bản gạch có trang trí hình bông hoa sen đang nở ở chùa Che, Phú Xuyên⁽¹⁰⁾ hoặc chạm khắc trực tiếp bằng tay ô vuông dạng hình bàn cờ (ở chùa Đậu, Hà Nội).

Gạch hình chữ nhật là loại gạch có hình khối chữ nhật, khá vuông thành sắc cạnh. Chất liệu gạch khá mịn, hơi bở, có khi tạo bột phấn, màu đỏ. Theo tiết diện ngang, gạch có hai loại cơ bản là loại tiết diện hình vuông, gần vuông và loại tiết diện hình chữ nhật dẹt.

Gạch hình khối chữ nhật, tiết diện vuông hoặc gần vuông thời Mạc có kích thước trung bình dài (28-36) cm, rộng (12-14) cm, dày (8,5-10) cm. Có loại gạch được trang trí hoa văn và không trang trí hoa văn. Tuy nhiên, loại gạch

trang trí hoa văn phổ biến hơn. Hoa văn trang trí trên mặt gạch, đầu viên gạch hoặc kết hợp trên mặt gạch và đầu viên gạch với các khung hình khác nhau: hình vuông, hình tròn lồng trong khung hình vuông, hình chữ nhật và hình ô van. Đề tài trang trí là linh thú và hoa lá cách điệu mang đậm phong cách thời Mạc. Đề tài linh thú gồm hình rồng, chim phượng, cá hóa rồng, hổ, nghê, lân, ngựa, voi, hươu, chim... Đề tài hoa lá gồm hoa mai, hoa sen... Hoa sen thể hiện phong phú với chiều nhìn chính diện gồm 8 cánh hoa nổi khối trên mặt gạch; chiều nhìn bổ dọc có cánh hoa lượn mềm. Đề tài trang trí còn có sự kết hợp với nhau như hình rồng và hoa sen, chuột và hoa sen, rồng và chim phượng. Gạch vò có chức năng xây móng, bó vỉa bậc thềm, ốp trang trí bệ thờ...

Khảo sát móng gạch còn tương đối nguyên vẹn ở chùa Hội, quán Hội Linh (Hà Nội) cho thấy, móng xây từ 4 đến 7 lớp gạch được xếp so le ngang - dọc

⁽⁸⁾ Xem: Nguyễn Mạnh Cường, Hà Văn Cẩn, Bùi Minh Trí, Nguyễn Sơn Ka (2000), “Đào thám dò khảo cổ học khu Văn Miếu (Hà Nội)”, Tạp chí *Khảo cổ học*, số 3, tr. 57 - 73.

⁽⁹⁾ Xem: Nguyễn Ngọc Chắt, Nguyễn Quang Huy (2007), “Khai quật khu trung tâm di tích chùa Đậu năm 2006”, *Thông báo khoa học*, tr.77-102; Lại Văn Tới (2009), “Đền Thượng (Cổ Loa - Hà Nội) thời lịch sử”, Tạp chí *Khảo cổ học*, số 5, tr. 76-99.

⁽¹⁰⁾ Xem: Chu Quang Trứ, Cung Khắc Lược (1996), “Chùa Che (Diên Phúc) một di sản sáng giá xuyên suốt các thời Trần-Mạc-Lê-Nguyễn”, Tạp chí *Khảo cổ học*, số 1, tr. 42-58.

(viên nằm ngang - viên nằm dọc tạo khóa) và không có vữa liên kết. Gạch xây bó vữa thêm bậc trang trí hình rồng còn phát hiện ở đền Phù Đồng (Hà Nội) và đền Kê Hạ (Hoa Lư), Ninh Bình. Gạch thời Mạc ở chùa Đậu (Hà Nội) còn được tận dụng để xây bó móng kiến trúc thế kỷ XVII bằng hình thức quay mặt những viên gạch có hoa văn trang trí vào trong⁽¹¹⁾.

Gạch hình khối chữ nhật với kích thước chiều dày mỏng hơn chiều rộng tạo mặt cắt ngang hình chữ nhật dẹt. Loại gạch này rất đa dạng về kích thước. Một số viên còn nguyên có kích thước: (34 x 21,5 x 3,4) cm, (26,5 x 11,5 x 5,3) cm. Gạch phổ biến được trang trí hoa văn. Hoa văn trang trí trên mặt gạch và rìa cạnh viên gạch với các đề tài: hình rồng, chim phượng, long mã, hình người kết hợp với lân, voi, hoa sen mang phong cách nghệ thuật thời Mạc. Gạch loại này phát hiện ở một số di tích như chùa Cục Lạc, chùa Che, đền Thượng (Hà Nội). Đáng chú ý là, viên gạch đắp nổi hình rồng, hình chim phượng được khắc trực tiếp bằng tay ở chùa Cục Lạc (Hà Nội). Khảo sát một số di tích hiện còn cho thấy, gạch được sử dụng để ốp trang trí bệ thờ ở phía sau thượng điện chùa Che (Hà Nội) hoặc xây bó vữa móng chùa Hội (Hà Nội).

Gạch có hình dáng đặc biệt thời Mạc có hai loại: gạch hình khối hộp chữ nhật và gạch hình chữ D. Gạch hình khối hộp chữ nhật rộng (còn gọi là gạch

thông gió). Bờ nóc mái quán Hưng Thánh được trang trí 14 viên gạch thông gió, trong đó có 9 viên gạch thời Mạc trang trí bông hoa bốn cánh tròn. Loại hoa văn này khi liên kết với nhau tạo thành một dải hoa mai liên hoàn, các vòng tròn lồng nhau và hình bông hoa đồng tiền. Đường diềm là băng chấm tròn nổi. Niên đại bờ nóc mái quán Hưng Thánh thuộc phong cách nghệ thuật thời Mạc⁽¹²⁾.

Gạch hình chữ D là loại gạch có hình khối chữ nhật, trên rìa cạnh viên gạch hình cung tròn tạo mặt cắt hình chữ D. Gạch phát hiện ở chùa Đậu và đền Thượng (Hà Nội) thường để trơn hoặc trang trí hoa văn. Hoa văn trang trí hình cánh sen và hoa lá cách điệu. Loại gạch này thường được sử dụng bó vữa hoặc bó góc như ở móng gạch chùa Hội (Hà Nội).

Trong các loại gạch trên, gạch hình khối chữ nhật, tiết diện vuông hoặc gần vuông là loại gạch được sử dụng phổ biến nhất. Hoa văn trang trí trên gạch phổ biến được in khuôn, ít được khắc trực tiếp bằng tay. Gạch có chất liệu khá mịn, màu đỏ gạch là những đặc trưng chung của gạch thời Mạc trong các di tích kiến trúc tín ngưỡng, tôn giáo ở

⁽¹¹⁾ Xem: Nguyễn Ngọc Chát, Nguyễn Quang Huy (2007), "Khai quật khu trung tâm di tích chùa Đậu năm 2006", *Thông báo khoa học*, tr. 77-102.

⁽¹²⁾ Xem: Nguyễn Tiến Cảnh, Nguyễn Du Chi, Trần Lâm, Nguyễn Bá Vân (1993), *Mỹ thuật thời Mạc*, Viện Mỹ thuật, Hà Nội.

đồng bằng Bắc Bộ.

3.3. Thời Lê Trung hưng

Tiếp nối gạch thời Mạc, gạch thời Lê Trung hưng phong phú hơn và biến đổi khác đi. Bên cạnh loại chất liệu mịn, còn có thêm chất liệu thô hoặc rất thô. Màu sắc vẫn tiếp tục là màu đỏ và xám. Các loại hình gạch vẫn tiếp nối thời kỳ trước là gạch hình vuông, hình khối chữ nhật và gạch có hình dáng đặc biệt.

Khác biệt với gạch hình vuông thời Mạc, gạch hình vuông thời Lê Trung hưng phổ biến được trang trí hoa văn. Đề tài trang trí hình rồng, chim phượng, hoa sen, hoa cúc, hoa mai và hoa chanh. Thời Lê Trung hưng còn xuất hiện thêm loại gạch có kích thước nhỏ (20 x 20) cm như ở đền Thượng (Hà Nội)⁽¹³⁾.

Thời Lê Trung hưng vẫn tiếp tục sử dụng gạch có tiết diện vuông hoặc gần vuông và loại gạch có tiết diện hình chữ nhật dẹt như thời Mạc nhưng đã biến đổi khác. Gạch có tiết diện vuông hoặc gần vuông thời Lê Trung hưng tương tự như thời Mạc nhưng có kích thước lớn hơn và có thêm loại gạch có kích thước nhỏ. Đó là gạch phát hiện ở chùa Cực Lạc và chùa Đậu (Hà Nội). Loại gạch này kích thước lớn: dài (35-50) cm, rộng (17-25) cm, dày (8-16) cm, màu xám. Hoa văn là những nét chạm thưa, khối nổi dẹt được chạm khắc trực tiếp bằng tay. Đề tài trang trí tương tự thời Mạc nhưng phong phú hơn và có thêm nhiều hoa văn mới như hoa mẫu đơn, hoa cúc, hoa sen và hoa mai với nhiều kiểu khác nhau. Hình

hoa sen có hình nhìn bỏ dọc theo cánh hoa, còn có hình cả cụm hoa. Hình con vật kết hợp với nhau hoặc con vật kết hợp hoa lá cũng là đề tài trang trí phổ biến trong thời kỳ này. Gạch thời Lê Trung hưng còn xuất hiện thêm nhiều loại mới như ảnh vật, hoa mẫu đơn, hoa văn đầu rồng và chữ Hán.

Gạch hình khối chữ nhật với tiết diện hình vuông hoặc gần vuông thời Lê Trung hưng còn có loại gạch kích thước nhỏ (còn gọi là gạch thoi). Kích thước gạch rộng (6-7) cm, dày (3-4) cm, màu xám. Loại gạch này hiện chỉ thấy ở đền Thượng (Hà Nội). Hoa văn trang trí hoa dây cách điệu là đường chỉ tròn hoặc đường chỉ vuông dẹt có các móc lá tỏa về hai phía, uốn cong ở đầu.

Gạch hình khối chữ nhật, tiết diện hình chữ nhật dẹt thời Lê Trung hưng có kích thước trung bình: (55-70) x (29-31) cm, (26 x 23-35) cm, màu đỏ. Hoa văn trang trí có nhiều đề tài khác nhau. Ngoài hình rồng, chim phượng, ngựa, voi, hươu như các loại gạch khác còn có thêm hình mặt trời, người gánh củi, chèo thuyền, đánh cá, chơi cờ, ngồi học, đang tắm. Hoa văn là những lời chúc tụng. Bài thơ chữ Hán đều thể hiện lòng mong muốn, sự may mắn, hạnh phúc cho con người. Loại gạch này được sử dụng xây tường, hành lang và cổng tam quan như

⁽¹³⁾ Xem: Lại Văn Tới (2009), “Đền Thượng (Cổ Loa - Hà Nội) thời lịch sử”, Tạp chí *Khảo cổ học*, số 5, tr. 76-99.

văn bia chùa Sồ (Hà Nội) ghi năm 1672-1673⁽¹⁴⁾. Loại gạch có kích thước lớn còn thấy ốp trang trí bệ thờ quán Hưng Thánh (Hà Nội).

Gạch có hình dáng đặc biệt thời Lê Trung hưng phong phú hơn gạch cùng loại thời Mạc. Ngoài loại gạch hình chữ D còn có thêm các loại khác, như gạch hình khối chữ nhật, tiết diện ngang hình chữ thập, hình chữ C.

Gạch hình chữ D thời này vẫn tiếp nối gạch hình chữ D thời Mạc nhưng đã biến đổi khác. Gạch hình chữ D có kích thước lớn hơn (28 x 24) cm. Hoa văn trang trí hình người với mình chim ngồi phôi bụng (ngồi thẳng chính diện hai tay giơ cao ở bệ thờ chùa Trăm Gian và ngồi phôi bụng, mặt úp vào trong, đầu ngoái ra phía trước ốp bệ thờ ở quán Hưng Thánh). Hình người tương tự có trên bia lăng Vũ Hồng Lượng (Hưng Yên) ở niên đại 1660 cho phép xác định niên đại của các viên gạch nói trên.

Ở gạch hình khối chữ nhật, tiết diện hình chữ thập, mặt gạch là các đường dật cấp, phần giữa nổi cao, hai cạnh dọc thắt lõm, mặt cắt ngang hình gần chữ thập. Gạch phát hiện ở chùa Cục Lạc (Hà Nội) có kích thước (9,5-7,8 x 4,8 x 4,7) cm. Gạch phổ biến để trơn, không trang trí hoa văn.

Ở gạch hình khối chữ nhật, hai bên có cạnh lõm được phát hiện ở chùa Cục Lạc (Hà Nội) có kích thước (26 x 13 x 4,6) cm. Hai bên cạnh dọc của mặt phải có đường lõm lòng máng, mặt trái của

gạch có 4 lộ thủng để chốt. Gạch tương tự được sử dụng xây bờ nóc, bờ dải mái kiến trúc như đã thấy trên mô hình nhà bằng sứ thế kỷ XVII hiện trưng bày tại Bảo tàng Lịch sử Việt Nam.

Loại gạch hình khối chữ nhật trên một mặt có gờ lõm với mặt cắt ngang hình chữ C. Hai rìa cạnh viên gạch trang trí hình bông hoa mai cánh tròn, xen kẽ ba đường chỉ nổi. Gạch được xây ốp trang trí trên bờ nóc mái ở đình Chu Quyến (Hà Nội).

4. Nhận xét

Nguồn tư liệu thư tịch, văn bia, các di tích hiện còn trên mặt đất và những phát hiện khảo cổ học dưới lòng đất cung cấp cho chúng ta nhiều thông tin về tình hình xây dựng, sử dụng gạch trong các di tích kiến trúc tín ngưỡng, tôn giáo thế kỷ XV - XVIII.

Qua nguồn tư liệu đó, chúng tôi có đưa ra một số nhận xét sau:

Thứ nhất, gạch trong các công trình kiến trúc tín ngưỡng, tôn giáo thế kỷ XV - XVIII phản ánh truyền thống và sức sáng tạo của người thợ gốm qua các thời Lê sơ, thời Mạc và thời Lê Trung hưng. Loại gạch hình khối chữ nhật với tiết diện vuông hoặc gần vuông và trang trí hoa văn xuất hiện trong thời Lê sơ, trở nên phổ biến trong thời Mạc và thời Lê Trung hưng. Hình rồng trang trí trên

⁽¹⁴⁾ Xem: Nguyễn Văn Huyền (1995), *Góp phần nghiên cứu văn hóa Việt Nam*, tập 1, Nxb Khoa học xã hội, tr. 312-313.

gạch là hoa văn tồn tại xuyên suốt thời Lê sơ đến thời Lê Trung hưng.

Sự sáng tạo cũng thể hiện rất rõ qua mỗi thời kỳ. *Thời Lê sơ* sáng tạo nên gạch hình khối chữ nhật với tiết diện gần vuông và trang trí hoa văn. Sang *thời Mạc*, loại gạch này phổ biến được trang trí hoa văn hình linh vật và hoa lá bằng kỹ thuật in khuôn. Hình chim phượng trang trí trên gạch và kỹ thuật đắp nổi trên mặt gạch cũng là điểm đáng chú ý trong sáng tạo trên gạch thời kỳ này. Vào *thời Lê Trung hưng* sức sáng tạo của người thợ gốm được thể hiện rõ. Loại gạch hình khối chữ nhật, tiết diện vuông hoặc gần vuông có kích thước lớn hơn, có hoa văn được chạm khắc trực tiếp bằng tay. Thời này sáng tạo thêm nhiều loại gạch mới, như gạch hình khối chữ nhật, tiết diện hình chữ thập, hình chữ C. Xuất hiện thêm hoa văn mới, như hình người, hình người mình chim, cảnh sinh hoạt thường ngày của con người như đánh cờ, đang tắm, hái củi, chèo thuyền. Hoa văn chữ Hán với những bài thơ, lời chúc mong muốn sự may mắn và hạnh phúc cho con người cũng là sáng tạo của người thợ gốm thời kỳ này.

Thứ hai, gạch trong các công trình kiến trúc tín ngưỡng, tôn giáo thế kỷ XV - XVIII phản ánh kiến trúc của người Việt Nam. Vết tích móng kiến trúc còn khá nguyên vẹn ở chùa Đậu, chùa Hội và quán Hội Linh (Hà Nội) cho thấy, kỹ thuật bó móng kiến trúc thời Mạc là kỹ thuật xếp so le và không dùng chất kết

dính. Kỹ thuật này bảo lưu truyền thống từ thời Lý, Trần, qua thời Lê sơ và phát triển trong thời Mạc. Nhưng trong kiến trúc tín ngưỡng, tôn giáo thời Mạc, gạch bó móng sử dụng gạch trang trí hoa văn. Hiện nay vết tích kiến trúc thời Mạc còn nguyên vẹn không nhiều. Vết tích kiến trúc ở các kinh đô như Dương Kinh (Hải Phòng) và Thăng Long (Hà Nội) đều đã bị phá hủy trong cuộc chiến tranh Trịnh-Mạc. Những phát hiện này cung cấp cho chúng ta thêm tư liệu nghiên cứu về kỹ thuật bó móng thời Mạc. Đó chính là những chứng cứ vật chất về sự tồn tại và đóng góp của nhà Mạc và dòng họ Mạc trong lịch sử. Truyền thống này tiếp tục phát triển trong thời Lê Trung hưng, thể hiện rõ trên những viên gạch vồ ở chùa Đậu (Hà Nội).

Thứ ba, hoa văn trang trí trên gạch thế kỷ XVI - XVIII phản ánh thời kỳ nghệ thuật dân gian phát triển cao. Trang trí trên gạch là trang trí rất phổ biến trong các di tích kiến trúc tín ngưỡng, tôn giáo thế kỷ XVI - XVIII ở đồng bằng Bắc Bộ. Thời kỳ này trang trí trên chất liệu gỗ, đá, đất nung rất phổ biến. Trang trí trên vật liệu đất nung, đặc biệt là trên gạch, lại cho thấy những nét độc đáo riêng. Những viên gạch trang trí ở chùa Đậu giống như những bức tranh ghép diễn tả các sự vật hiện tượng trong đời sống. Sự tiến triển của cây và hoa lá, hoạt động của con vật và hoa lá, các tư thế của con vật rất vui nhộn: chuột châu hoa sen, cá hóa rồng

vui đùa với bóng, chim ở các tư thế khác nhau, các con vật đang chuyển động... Hoa cúc, hoa sen, hoa mẫu đơn diễn tả theo chiều nhìn chính diện, nhìn nghiêng hoặc bỏ dọc theo toàn bộ cụm hoa, bông hoa, nửa bông hoa, $\frac{1}{4}$ bông hoa... Tất cả đã khắc họa lên bức tranh sống động về cuộc sống. Điều đó cho thấy, gạch không chỉ có chức năng xây, trang trí, mà còn phản ánh hiện thực cuộc sống, những ước mơ, khát vọng của người dân đương thời và phần nào mang ý nghĩa tín ngưỡng, tâm linh của cư dân.

Thứ tư, gạch sử dụng trong các công trình kiến trúc tín ngưỡng, tôn giáo thế kỷ XV - XVIII đều liên quan đến các tôn giáo như Nho giáo, Phật giáo và Đạo giáo. Các vết tích kiến trúc tín ngưỡng, tôn giáo thời Lê sơ hầu như không còn, vết tích còn lại chủ yếu của thời Mạc và thời Lê Trung hưng. Điều đó phản ánh đúng tình hình tôn giáo nước ta thời kỳ này.

Đối với các công trình kiến trúc của nhà nước (như thành quách, cung điện, phủ đệ, lăng tẩm...) đã được thư tịch ghi chép rõ, chúng ta khá dễ dàng tìm hiểu các di tích đó. Còn đối với các công trình kiến trúc tín ngưỡng, tôn giáo mà thư tịch và văn bia ghi chép thì những phát hiện trên còn rất hạn chế, việc nghiên cứu những viên gạch ở các công trình đó góp phần tìm hiểu lịch sử văn hóa Việt Nam, góp phần phục dựng và bảo tồn các di tích kiến trúc.

Tài liệu tham khảo

1. Chu Quang Trứ, Cung Khắc Lược (1996), “Chùa Che (Diên Phúc) một di sản sáng giá xuyên suốt các thời Trần-Mạc-Lê-Nguyễn”, Tạp chí *Khảo cổ học*, số 1, tr. 42-58.
2. (1993) *Đại Việt sử ký toàn thư*, tập 2 và 3, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
3. Đinh Khắc Thuân (2010), *Văn bia thời Mạc*, Nxb Hải Phòng.
4. Lại Văn Tới (2009), “Đền Thượng (Cổ Loa - Hà Nội) thời lịch sử”, Tạp chí *Khảo cổ học*, số 5, tr. 76-99.
5. Lê Quý Đôn (1977), *Kiến Văn tiểu lục*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
6. Nguyễn Mạnh Cường, Hà Văn Cẩn, Bùi Minh Trí, Nguyễn Sơn Ka (2000), “Đào thám dò khảo cổ học khu vực Văn Miếu (Hà Nội)”, Tạp chí *Khảo cổ học*, số 3, tr. 57-73.
7. Nguyễn Ngọc Chắt, Nguyễn Quang Huy (2007), “Khai quật khu trung tâm di tích chùa Đậu năm 2006”, *Thông báo khoa học*, tr. 77 - 102.
8. Nguyễn Tiến Cảnh, Nguyễn Du Chi, Trần Lâm, Nguyễn Bá Văn (1993), *Mỹ thuật thời Mạc*, Viện Mỹ Thuật, Hà Nội.
9. Nguyễn Thế Hùng (2003), *Quán đạo giáo ở Hà Tây*, Luận án Tiến sĩ Khoa học lịch sử, Tư liệu Viện Khảo cổ học.
10. Nguyễn Văn Huyền (1995), *Góp phần nghiên cứu văn hóa Việt Nam*, tập 1, Nxb Khoa học xã hội, tr. 312-313.
11. Quốc sử quán triều Nguyễn 1971, *Đại Nam thực lục*, tập 2, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.

